TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 119/2026/DS-PT
Ngày: 27 - 02- 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trang

Các Thẩm phán: Bà Hà Thị Phương Thanh

Ông Trần Nam Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thịnh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên- Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 394/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2025/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 2- Cần Thơ bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2026/TLPT-DS ngày 12 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Tuyết M, sinh năm: 1962 (Có mặt).

Địa chỉ: Số A, khu vực Bình Thuận, phường P, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm: 1984 (Có mặt). Địa chỉ: Ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Kim H, sinh năm: 1955 (Có mặt).

Địa chỉ: Số F, đường L, khu V, phường T, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Hà G, sinh năm: 1991. (Có mặt) Địa chỉ: Số B, đường M, phường C, thành phố Cần Thơ.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn là bà Lê Tuyết M và bị đơn là bà Trần Thị Kim H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết nguyên đơn, đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Do quan hệ quen biết nên đầu năm 2008 bà M có cho bà H vay 500 triệu đồng, sau đó bà H đã trả được 210 triệu đồng, còn nợ lại 290 triệu đồng. Số tiền này bà H có viết cam kết trả bà M tổng cộng là 300 triệu đồng, cam kết đến tháng 10/2013 trả trước số tiền 200 triệu đồng. Tuy nhiên, từ đó đến nay bà H không thực hiện. Sau quá trình liên tục nhắc nhở thì đến năm 2024 bà H chỉ thanh toán được 16 triệu đồng và không tiếp tục thanh toán cho đến nay. Do vậy bà M khởi kiện yêu cầu bà H phải thanh toán số tiền gốc là 290 triệu và tiền lãi là 1.462.000.000 đồng theo lãi suất thỏa thuận là 02%/tháng, tính từ ngày 15/4/2008 đến nay, tổng cộng yêu cầu phía bị đơn thanh toán số tiền 1.171.000.000 đồng.

** Bị đơn là bà H trình bày:*

Xác định có vay nguyên đơn số tiền 290 triệu đồng, lãi suất thỏa thuận là 05%/tháng chứ không phải 02%, tuy nhiên sau khi vừa vay xong thì nguyên đơn đến gặp bà nói là mượn lại 20 triệu đồng (có viết biên nhận), nên thực tế bà chỉ nhận có 270 triệu đồng. Tiếp đến, nguyên đơn là bà M lại lần lượt đến mượn bà thêm 30 triệu đồng và 20 triệu đồng (các lần mượn đều có làm biên nhận). Và các lần sau đó là con gái của nguyên đơn là Lê Thị Hà G đến gặp bà nói là mượn lại tiền cho nguyên đơn vào ngày08/6/2024 số tiền 10.000.000 đồng, ngày 12/8/2024 số tiền 5.000.000 đồng và ngày 19/02/2025 số tiền 1.000.000 đồng + 315.000 đồng + 6.000.000 đồng = 7.315.000 đồng. Các khoản tiền này nguyên đơn yêu cầu bà đưa nên bà thực hiện chứ không biết là trả cho tiền gốc hay tiền lãi. Nay đối với số tiền nguyên đơn yêu cầu về tiền gốc và tiền lãi là quá cao nên bà không có khả năng trả, đề nghị được xem xét giải quyết theo lãi suất quy định của nhà nước.

** Phản bác đối với trình bày của bị đơn, đại diện nguyên đơn cho rằng:* Đối với các biên nhận mà bị đơn đưa ra như trên thì nguyên đơn xác định là đã trả rồi, vì vậy nay vẫn giữ nguyên trình bày về việc buộc bị đơn phải trả số tiền gốc là 290 triệu và tiền lãi theo quy định của pháp luật là 20%/năm.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về khoản tiền 20 triệu đồng, chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ gốc là 270 triệu đồng, yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng từ biên nhận vay 15/4/2008 đến nay. Tiền lãi được tính là 905.364.000 đồng, đồng ý cấn trừ 26 triệu đồng mà chị G (con của nguyên đơn) đã nhận từ bà H vào số tiền lãi bà H phải trả. Riêng đối với khoản tiền 30 triệu phía bị đơn cho rằng nguyên đơn vay thì nguyên đơn đã trả cho bị đơn rồi (nộp biên nhận trả tại phiên tòa). Tổng cộng gốc và lãi yêu cầu phía bị đơn trả cho nguyên đơn là 1.149.364.000 đồng.

- Bị đơn đồng ý về việc trả cho nguyên đơn số nợ gốc là 270 triệu đồng, tuy nhiên tiền lãi là quá cao nên đề nghị xem xét lại vì hoàn cảnh hiện giờ khó khăn không có khả năng trả nợ.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2025/DS-ST ngày 08/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2- Cần Thơ đã tuyên xử như sau*:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Trần Thị Kim H phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Tuyết M số tiền gốc là 270.000.000 đồng và tiền lãi là 565.157.800 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 835.157.800 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu số tiền lãi vượt quá là 314.206.200 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả, phần án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Nội dung kháng cáo:

- Ngày 19/8/2025, nguyên đơn là bà Lê Tuyết M kháng cáo yêu cầu tính lãi từ ngày 15/4/2008 đến ngày 14/02/2025, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 1.149.364.000 đồng.

- Ngày 20/8/2025, bị đơn là bà Trần Thị Kim H kháng cáo yêu cầu xem xét lại lãi suất, chỉ đồng ý trả tiền gốc và lãi là 500 triệu đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo chỉ đồng ý về việc trả cho nguyên đơn số nợ gốc là 270 triệu đồng, đề nghị xem xét trả lãi là 230 triệu đồng; tổng cộng đồng ý trả 500 triệu đồng và xin trả dần mỗi tháng 6 triệu đồng cho đến khi hết nợ.

* Đại diện nguyên đơn: Thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo đề nghị tính tiền lãi theo mốc thời điểm từ ngày nhận tiền theo quy định tại thời điểm có hiệu lực của Bộ luật dân sự 2005 và 2015. Không đồng ý việc bị đơn xin trả vốn lãi mỗi tháng 6 triệu đồng.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:*

- *Về thủ tục tố tụng*: Từ khi thụ lý theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, đương sự và Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có đơn kháng cáo về hình thức và thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại Điều 272 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS năm 2015, nên kháng cáo là hợp lệ.

- *Về nội dung giải quyết vụ án*: Qua diễn biến tại phiên tòa và qua đối chiếu tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, trên cơ sở ý kiến trình bày của các đương sự,

Xét kháng cáo của bị đơn về việc bị đơn đề nghị trả 500 triệu đồng và xin trả dần mỗi tháng 6 triệu đồng cho đến khi hết nợ. Bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ cho yêu cầu của mình nên không có cơ sở để xem xét đánh giá. Việc trả dần các bên có quyền yêu cầu và thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án, Tòa án không đặt ra xem xét.

Xét kháng cáo của nguyên đơn: Nguyên đơn có thay đổi một phần kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về tiền lãi suất.

Xét thấy: Theo nội dung bản cam kết trả nợ chia làm 2 lần ngày 10/8/2013 số tiền là 300.000.000 đồng và tháng 10/2013 sẽ tiếp tục trả 200.000.000 đồng. Như vậy qua nội dung cam kết thể hiện các bên chốt số tiền mà bà H phải trả không chỉ có vốn vay mà còn cả tiền lãi 2% tính từ ngày 15/4/2008. Do đó, cấp sơ thẩm cho rằng về thời gian tính lãi từ biên nhận nợ ngày 15/4/2008 là chưa phù hợp do khoản nợ này vào ngày 11/7/2013 bị đơn viết lại cam kết đến là 10/8/2013 sẽ trả, vì vậy thời hạn tính lãi sẽ được tính từ khi hết hạn cam kết mà bị đơn không thực hiện, tức từ ngày 11/8/2013 đến ngày xét xử là không đúng với thỏa thuận của bà H và bà M theo nội dung cam kết từ đó ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Mặt khác, cấp sơ thẩm tính lãi suất từ ngày 11/8/2013 đến ngày 08/8/2025 với mức lãi suất 1,66% là chưa chính xác vì thời gian từ ngày 11/8/2013 đến ngày 31/12/2016 áp dụng mức lãi suất được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 là 1,125%. Đề nghị tính lại tiền lãi suất theo các mốc thời điểm mới phù hợp. Cụ thể như sau:

270.000.000 đồng x 1,125% x 104 tháng 13 ngày (từ ngày 18/4/2008 đến ngày 31/12/2016) = 317.206.250 đồng.

270.000.000 đồng x 1,66% x 103 tháng 07 ngày (từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 08/8/2025) = 462.691.800 đồng.

Tổng cộng tiền lãi là: 317.206.250 đồng + 462.691.800 đồng = 779.898.050 đồng. Phía nguyên đơn đồng ý cấn trừ số tiền 26.000.000 đồng đã nhận vào tiền lãi bị đơn phải trả, tương ứng tiền lãi còn: là 758.898.050 đồng. Như vậy, bà H có trách nhiệm trả tiền vốn 270.000.000 đồng và tiền lãi 758.898.050 đồng = 1.023.898.050 đồng.

Từ những phân tích trên, đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Lê Tuyết M, áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng đã phân tích nêu trên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xác định tranh chấp trong vụ kiện là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* giữa cá nhân với cá nhân do Bộ luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự như án sơ thẩm là phù hợp.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn là bà Lê Tuyết M và bị đơn là Trần Thị Kim H có đơn kháng cáo hợp lệ và nộp trong thời hạn luật định, nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] *Về thủ tục kháng cáo*: Sau khi xét xử xong bị đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm. Đương sự kháng cáo trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí nên hợp lệ về mặt hình thức.

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm các đương sự cung cấp biên nhận gốc, nguyên đơn, bị đơn thống nhất được khoản nợ gốc bị đơn còn nợ là 270.000.000 đồng, do vậy có căn cứ ghi nhận, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền số nợ gốc nêu trên là phù hợp.

Để xét kháng cáo, cần đánh giá khách quan toàn diện nội dung, cần thiết phải xem xét lại toàn bộ hồ sơ các bên. Lần lượt phân tích từng vấn đề liên quan:

[4] Xét kháng cáo của bị đơn đề nghị tính tiền lãi là 230 triệu đồng tổng cộng đồng ý trả 500 triệu đồng gốc và lãi và xin trả dần mỗi tháng 6 triệu đồng cho đến khi hết nợ. Bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ cho yêu cầu của mình nên không có cơ sở để xem xẽt đanh giá. Việc trả dần các bên có quyền yêu cầu và thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án, Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về tính lãi: Nguyên đơn có thay đổi một phần kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về tiền lãi đề nghị tính tiền lãi theo mốc thời điểm từ ngày nhận tiền theo quy định tại thời điểm có hiệu lực của Bộ luật dân sự 2005 và 2015. Thấy rằng việc thay đổi yêu cầu kháng cáo là quyền của đương sự nên tiếp tục xem xét đánh giá các hồ sơ các bên đã thực hiện đối chiếu với quy định của pháp luật

[5.1] Nguyên đơn và bị đơn thống nhất xác nhận tính đến ngày 15/4/2008 bị đơn bà H còn nợ nguyên đơn số tiền 290.000.000 đồng theo biên nhận ngày 15/4/2008 (BL 49), đến ngày 18/4/2008 bà H có trả cho bà M nhận 20.000.000 đồng có lập biên nhận hồ sơ các bên đã thực hiện đối chiếu với quy định của pháp luật).

[5.2] Ngày 11/7/2023 bà H có viết bản cam kết trả nợ (BL 47): Theo nội dung bản cam kết trả nợ ngày 11/7/2023 thể hiện bà H có nợ số tiền 290.000.000 đồng (ngày 15/4/2008) với lãi suất thỏa thuận 2% và cam kết trả cho bà M vào ngày 10/8/2013 số tiền là 300.000.000 đồng và tháng 10/2013 sẽ tiếp tục trả 200.000.000 đồng.

Như vậy qua nội dung cam kết thể hiện các bên chốt số tiền mà bà H phải trả không chỉ có vốn vay mà còn cả tiền lãi 2% tính từ ngày 15/4/2008.

[5.3] Do đó cấp sơ thẩm cho rằng về thời gian tính lãi từ biên nhận nợ ngày 15/4/2008 là chưa phù hợp do khoản nợ này vào ngày 11/7/2013 bị đơn viết lại cam kết đến là 10/8/2013 sẽ trả, vì vậy thời hạn tính lãi sẽ được tính từ khi hết hạn cam kết mà bị đơn không thực hiện, tức từ ngày 11/8/2013 đến ngày xét xử là không đúng với thỏa thuận của bà H và bà M theo nội dung cam kết từ đó ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn

[5.4] Mặt khác, cấp sơ thẩm tính lãi suất từ ngày 11/8/2013 đến ngày 08/8/2025 với mức lãi suất 1,66% là chưa chính xác vì thời gian từ ngày

11/8/2013 đến ngày 31/12/2016 áp dụng mức lãi suất được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 là 1,125%/ tháng; Thời gian từ 01/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 08/8/2025 mới áp dụng mức lãi suất theo quy định là 1,66%/ tháng

Do vậy cần thiết điều chỉnh lại, thời điểm tính lãi theo từng mốc thời gian theo quy định cụ thể như sau:

Số tiền 270.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 104 tháng 13 ngày (từ ngày 18/4/2008 đến ngày 31/12/2016) = 317.206.250 đồng.

Số tiền 270.000.000 đồng x 1,66%/ tháng x 103 tháng 07 ngày (từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 08/8/2025) = 462.691.800 đồng.

Tổng cộng tiền lãi là: 317.206.250 đồng + 462.691.800 đồng = 779.898.050 đồng.

Phía nguyên đơn đồng ý cấn trừ số tiền 26.000.000 đồng đã nhận vào tiền lãi bị đơn phải trả, tương ứng tiền lãi còn: là 758.898.050 đồng

Như vậy, bà H có trách nhiệm trả tiền vốn 270.000.000 đồng và tiền lãi 758.898.050 đồng = 1.023.898.050 đồng.

[5.5] Với nhưng phân tích nêu trên cần chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Lê Tuyết M, áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng đã phân tích nêu trên,

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo nên nguyên đơn không phải chịu án phí, Bị đơn phải chịu án phí do không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo. Tuy nhiên, Nguyên đơn, bị đơn là người trên 60 tuổi, cùng thuộc trường hợp được miễn án phí.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên là phù hợp với nhận định nên quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị được Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2025/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Trần Thị Kim H phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Tuyết M số tiền gốc: 270.000.000 và tiền lãi là 758.898.050 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 1.023.898.050 đồng (Một tỷ không trăm hai mươi ba triệu tám trăm chín mươi tám ngàn không trăm năm mươi đồng).

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa trả số tiền trên thì còn phải chịu lãi suất phát sinh đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại điều 357 và 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Nguyên đơn, bị đơn là người trên 60 tuổi, cùng thuộc trường hợp được miễn án phí.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thihành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 27/02/2026).

Nơi nhận:
- VKSND TP. Cần Thơ;
- TAND Khu vực 2- Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 2 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Minh Trang